

Số: 429/KSBT-XN

Mã số mẫu : 408.24

Ngày : 19/06/2024

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành
Địa chỉ (*) : số 539B, ấp Thạnh Hựu, xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Ngày lấy mẫu (*) : 12/06/2024
Địa điểm lấy mẫu (*) : Nhà máy nước Thị trấn
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 12/06/2024
Thời gian thử nghiệm : 12/06/2024– 18/06/2024

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	Escherichia coli CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2023 (a)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2023 (b)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 – 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,13	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Mcolortest/HANNA (b)	0,2-1,0	0,27	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCDP 01:2022/BTr (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 408.24

Ghi chú:

- Mẫu lỏng không màu, đựng trong 01 chai nhựa 500ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỜNG KHOA


Phan Thập Huy


GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 428/KSBT-XN

Mã số mẫu : 407.24

Ngày : 19/06/2024

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành
Địa chỉ (*) : số 539B, ấp Thạnh Hựu, xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Ngày lấy mẫu (*) : 12/06/2024
Địa điểm lấy mẫu (*) : Nhà máy nước An Phước
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 12/06/2024
Thời gian thử nghiệm : 12/06/2024 – 18/06/2024

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBB (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2023 (a)	15	7,89	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2023 (b)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 – 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,10	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Mcolorstest/HANNA (b)	0,2-1,0	0,2	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCDP 01:2022/BTr (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 407.24

Ghi chú:

- Mẫu lỏng không màu, đựng trong 01 chai nhựa 500ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA

Phan Thập Huy



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 427/KSBT-XN

Mã số mẫu : 406.24

Ngày : 19/06/2024

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp nước sinh hoạt Châu Thành
Địa chỉ (*) : số 539B, ấp Thạnh Hựu, xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Ngày lấy mẫu (*) : 12/06/2024
Địa điểm lấy mẫu (*) : Nhà máy nước An Hoà
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 12/06/2024
Thời gian thử nghiệm : 12/06/2024 – 18/06/2024

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2023 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2023 (b)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 – 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,14	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Mcolortest/HANNA (b)	0,2-1,0	0,61	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCDP 01:2022/BTr (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 406.24

Ghi chú:

- Mẫu lỏng không màu, đựng trong 01 chai nhựa 500ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA

Phan Thập Huy



Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ $k=2$.

Mã số mẫu : 409.24

Ghi chú:

- Mẫu lỏng không màu, đựng trong 01 chai nhựa 500ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA


Phan Thập Huy


GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ $k=2$.